

DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NHẬP CƯ Ở KHU VỰC KINH TẾ PHI NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thanh Hải

Khoa Công tác Xã hội, Trường Đại học Lao động – Xã hội (Cơ sở II).

Tóm tắt. Người lao động nhập cư ở khu vực kinh tế phi nhà nước đã trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển về kinh tế xã hội của đất nước và là lực lượng lao động chủ chốt ở các khu vực đô thị lớn. Tuy nhiên, họ thường phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, với nhiều rủi ro và họ có nhu cầu sử dụng các dịch vụ công tác xã hội rất lớn để đảm bảo chất lượng cuộc sống tại nơi đến nhưng họ gặp nhiều bất lợi trong việc sử dụng dịch vụ. Bài viết này tập trung tìm hiểu về khả năng sử dụng dịch vụ công tác xã hội, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả cuộc sống cho người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước.

Từ khóa: dịch vụ công tác xã hội, người lao động nhập cư, khu vực kinh tế phi nhà nước.

1. Mở đầu

Công tác xã hội là một ngành mới phát triển ở Việt Nam, kể từ sau khi Chính phủ ban hành quyết định 32, ngày 25 tháng 03 năm 2010 đi vào hoạt động, nhu cầu nâng cao, hoàn thiện các hoạt động, dịch vụ công tác xã hội (DVCTXH) ngày càng trở nên cấp thiết hơn và được quan tâm và thúc đẩy mạnh mẽ. Theo số liệu thống kê đến năm 2017, Việt Nam đã có hơn 40 Trung tâm cung cấp DVCTXH từ tuyến tỉnh đến quận, huyện phục vụ cho đối tượng tại cộng đồng, cũng như nhiều Trung tâm CTXH trong các bệnh viện, trường học được thành lập, cung cấp các DVXH khác nhau cho các đối tượng có nhu cầu [4].

Trong những năm gần đây đã có một số tác giả quan tâm nghiên cứu dịch vụ và DVCTXH đã chỉ ra cần được thiết lập và cung cấp cho các đối tượng có vấn đề xã hội ở các cấp Trung ương và tại cộng đồng nơi đối tượng sinh sống, các cơ sở cung cấp DVCTXH có thể là tư nhân hay công lập [5-6]; Phát triển và quản lý phát triển DVXH đang đặt ra nhiều vấn đề thu hút sự quan tâm của người dân và ngay cả các nhà quản lý, bởi hệ thống DVXH còn tồn tại không ít nghịch lý, việc phát triển và quản lý phát triển DVXH chưa tương xứng với sự phát triển và tăng trưởng kinh tế, chính sách phát triển DVXH thiếu đồng bộ [2].

Nghiên cứu của Hà Thị Thư đề cập đến việc chuyên nghiệp hóa các dịch vụ CTXH trong thực tiễn là một định hướng mang tầm vóc thời đại, chuyên môn hóa và hội nhập quốc tế. Đồng thời tác giả đã chỉ ra nhu cầu về dịch vụ CTXH cho các nhóm yếu thế là quan trọng và cần thiết [11]. Khi nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến DVCTXH tác giả Nguyễn Thị Thái Lan đã đưa ra các yếu tố chuyên nghiệp của nghề CTXH cũng như DVXH, gồm: sự hình thành được khuôn khổ pháp lý, quá trình cung cấp dịch vụ cho các đối tượng yếu thế dựa trên nền tảng khoa học có tính chuyên môn và các dịch vụ chuyên sâu CTXH, các dịch vụ cung cấp thông qua hệ thống

Ngày nhận bài: 22/2/2020. Ngày sửa bài: 29/3/2020. Ngày nhận đăng: 10/8/2021.

Tác giả liên hệ: Phạm Thanh Hải. Địa chỉ e-mail: haipct.xh@ldxh.edu.vn

cung cấp dịch vụ có tổ chức, được giám sát chất lượng và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề [9].

Dịch vụ CTXH với NLĐNC khu vực kinh tế phi nhà nước thì chưa có nhiều tài liệu nghiên cứu liên quan đến vấn đề này. Một số công trình nghiên cứu trước đã chỉ ra người nhập cư có nhu cầu sử dụng DVCTXH rất lớn, họ thường phải đối mặt với rào cản về ngôn ngữ, họ không biết nhiều thông tin về dịch vụ và họ phải chịu phân biệt đối xử hoặc rơi ra ngoài lề do họ không được thừa nhận là thành viên chính thức của cộng đồng [15]. Nhân viên CTXH cần cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và thông tin cũng như tư vấn cho gia đình nhập cư về các trường nội trú trẻ em và gia đình của họ để giúp họ hòa nhập cộng đồng tại nơi đến [14]; [3].

Qua nghiên cứu kinh nghiệm thế giới cho thấy, CTXH có vai trò quan trọng trợ giúp những đối tượng yếu thế trong xã hội. Dựa trên các giá trị nền tảng của nghề và tuân thủ các quy định đạo đức, nhân viên CTXH sử dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện nhiều vai trò, nhiệm vụ khác nhau đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng [7]. Do vậy NVCTXH có vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ đối với NLĐNC tiếp cận DVXH nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NLĐNC.

Khi nghiên cứu DVCTXH với NLĐNC, các tác giả đã chỉ ra CTXH hướng đến giúp đỡ cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng phục hồi hay nâng cao năng lực để tăng cường chức năng xã hội, tạo ra những thay đổi tích cực giúp họ hòa nhập cộng đồng tại nơi đến [12]. Thực trạng DVCTXH đối với NLĐNC đang triển khai tại cộng đồng và được cung cấp bởi các tổ chức phi chính phủ hướng tới sự chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ. Các DVCTXH chủ yếu tập trung vào đáp ứng nhu cầu hoặc góp phần hỗ trợ giải quyết các vấn đề của NLĐNC tại nơi nơi đến như: vay vốn tín dụng nhỏ, hỗ trợ pháp lý, đào tạo nghề/giới thiệu việc làm, kết nối nguồn lực thông qua vai trò của nhân viên CTXH chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp, có đầy đủ các đặc tính của một dịch vụ chuyên nghiệp như tính dễ tiếp cận, phù hợp nhu cầu, liên tục.... [13].

Để hỗ trợ cho NLĐNC tiếp cận thuận lợi các DVCTXH cần có mạng lưới không chỉ bó hẹp trong quan hệ với người thân, anh em, họ hàng, người cùng hoàn cảnh, ít chú ý sử dụng mạng lưới xã hội hiện đại. Đồng thời, họ thiếu vốn xã hội, hạn chế trong việc tiếp cận các DVXH, đặc biệt là dịch vụ công, họ sống trong một môi trường kém tiện nghi và thiếu an toàn. Việc không có thông tin là rào cản rất lớn trong việc tiếp cận các DVCTXH của NLĐNC,... [8]; [3].

Qua nghiên cứu cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về di cư, nhập cư được nhiều nhà khoa học quan tâm. Các nghiên cứu này cũng tập trung vào các khía cạnh về nhập cư: thực trạng, nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ ASXH,... Đặc biệt, đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về CTXH với NLĐNC. Tuy nhiên, các công trình này chỉ mới đề cập đến NLĐNC nói chung ít có công trình nghiên cứu về NLĐNC khu vực KTPNN. Do vậy, dưới tiếp cận CTXH thì đây là một hướng nghiên cứu mới phù hợp với bối cảnh hiện nay, xác định được nhu cầu, thực trạng cũng như xây dựng được các mô hình trợ giúp phù hợp đối với NLĐNC ở khu vực này góp phần tạo điều kiện để NLĐNC khu vực KTPNN tiếp cận hiệu quả các dịch vụ CTXH.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu gồm 420 NLĐNC vào TPHCM đang sinh sống từ 6 tháng trở lên trước thời điểm phỏng vấn và chưa có hộ khẩu thường trú tại nơi đến. Số liệu nghiên cứu được trích ra từ đề tài: *“Dịch vụ công tác xã hội đối với người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước từ thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh”*. Cuộc nghiên cứu được tiến hành trên địa bàn 03 quận: Quận 12, quận Bình Tân và Quận 8. Đây là những địa bàn đang diễn ra quá trình đô thị hóa rất nhanh và có số lượng người lao động nhập cư rất đông.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu để thu thập thông tin thực tiễn về NLĐNC. Bảng hỏi nhằm khai thác và làm rõ về thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sử dụng DVCTXH của NLĐNC khu vực KTPNN tại thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời tham khảo ý kiến của các chuyên gia về vấn đề này để thiết kế bảng công cụ nhằm thu thập thông tin liên quan.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Mức độ cần thiết sử dụng dịch vụ công tác xã hội của người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước

CTXH là một nghề chuyên nghiệp hỗ trợ can thiệp vào cuộc sống của cá nhân, gia đình, nhóm người, cộng đồng yếu thế trong xã hội. Ở nước ta hiện nay, có hàng chục triệu người đang có nhu cầu sử dụng DVCTXH và không chỉ có những đối tượng hiện tại mà còn hàng triệu đối tượng tiềm năng sẽ cần được cung cấp dịch vụ CTXH trong tương lai được cung cấp bởi NVCTXH thông qua các dịch vụ hỗ trợ, kết nối cho NLĐNC giải quyết được các vấn đề của họ. Với ĐTB= 3,97 độ lệch chuẩn 0,9 cho thấy, việc sử dụng DVCTXH rất cần thiết đối với NLĐNC khu vực này.

Bảng 1. Mức độ cần thiết sử dụng dịch vụ công tác xã hội của người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước

TT	Mức độ cần thiết sử dụng DVCTXH với người lao động nhập cư	Phương án trả lời (%)					ĐTB	ĐLC
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	HT không cần thiết		
1	Thông tin về nhà trọ an toàn	67.9	17.4	14.8	0.0	0.0	4.53	0.75
2	Dịch vụ tư vấn/ tham vấn	9.3	52.4	19.0	12.9	6.4	3.45	1.04
3	Dịch vụ giới thiệu và hỗ trợ học nghề, việc làm, sinh kế	40.2	39.3	20.5	0.0	0.0	4.20	0.76
4	Dịch vụ hỗ trợ tiếp cận giáo dục công lập cho con	43.3	18.8	38.8	37.9	0.0	4.05	0.90
5	Dịch vụ kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực	23.1	33.8	26.0	15.0	2.1	3.61	1.06
ĐTB							3.97	0.90

Thực tế cho thấy, NLĐNC khu vực KTPNN là lực lượng lao động rất tiềm năng cho các cơ sở sản xuất quy mô vừa và nhỏ đặc biệt là cơ sở sản xuất hộ gia đình ở khu vực đô thị vì nó giúp hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa giá rẻ và đóng vai trò quan trọng trong quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, họ đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các DVXH cơ bản tại đô thị. Mạng lưới an sinh xã hội chưa bao phủ lên số đông NLĐNC làm việc trong khu vực này, họ không được tham gia bảo hiểm xã hội, các thông tin về an sinh xã hội không đến được với họ và 67,2% NLĐNC không biết nơi cung cấp thông tin và tư vấn về Bộ Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, chiếm tỉ lệ 73,7% NLĐNC không tham gia các hoạt động cộng đồng tại nơi tạm trú và thường cảm giác là mình đứng bên lề cuộc sống địa phương nơi đến [1]. Vì vậy, NLĐNC khu vực KTPNN rất cần sự trợ giúp của nhà nước và cộng đồng xã hội, giúp họ được tiếp cận các chính sách an sinh xã hội, dịch vụ trợ giúp chuyên sâu sẽ phần nào tiếp thêm động lực cho họ có thêm sức mạnh vươn lên trong cuộc sống.

Thực tế NLĐNC khu vực KTPNN có nhu cầu sử dụng các DVCTXH rất lớn. Tuy nhiên, các thông tin về dịch vụ chưa được phổ biến rộng rãi, một bộ phận NLĐNC trên địa bàn không biết đến các thông tin về chính sách, tình hình địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy, NLĐNC có nhu cầu sử dụng dịch vụ thông tin về nhà ở an toàn với (ĐTB= 4,53), có đến 67,9% và 17,4% ý kiến cho biết dịch vụ này là rất cần thiết và cần thiết. Họ thường sống trong những căn nhà trọ xây tạm, chất lượng thấp và ở những khu vực hạ tầng nghèo nàn hoặc không có hạ tầng, thậm chí rất nhiều NLĐNC sống tại nơi làm việc mà thường là các công trường xây dựng. Do vậy, họ mong muốn được sử dụng dịch vụ này để đảm bảo cuộc sống tại nơi đến.

Đối với dịch vụ giới thiệu việc làm, hỗ trợ sinh kế cho NLĐNC cũng được họ đánh giá rất cao về mức độ cần thiết có đến 79,5% ý kiến cho biết là từ mức cần thiết đối với họ. Thực tế cho thấy, dịch vụ này đã giúp NLĐNC có cơ hội tìm kiếm được việc làm nhanh hơn để có thể trang trải các chi phí hàng ngày tại đô thị. Mặt khác, NLĐNC mong đợi được hỗ trợ tiếp cận giáo dục công lập; khi gặp khó khăn được kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực giúp họ giải quyết được vấn đề của mình (xem bảng 1).

2.2.2. Thực trạng sử dụng dịch vụ công tác xã hội của người lao động nhập cư

CTXH là một nghề mới phát triển ở Việt Nam nên rất nhiều người chưa được biết tới. Đặc biệt sau khi Đề án 32 của Thủ tướng Chính Phủ về Phát triển nghề CTXH được chính thức phê duyệt và đi vào hoạt động, nhu cầu nâng cao, hoàn thiện các hoạt động CTXH ngày càng trở nên cấp thiết hơn.

Đối với NLĐNC khu vực KTPNN thì DVCTXH có ý nghĩa quan trọng vì nó tạo ra các điều kiện thuận lợi để cho cá nhân, gia đình, nhóm cần sự giúp đỡ có thể tự lực giải quyết các vấn đề mà họ đang gặp phải; đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội nhằm phòng ngừa, can thiệp, phục hồi tình trạng yếu thế của mình cũng như nâng cao phát triển chất lượng cuộc sống của NLĐNC tại nơi đến.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 2 với ĐTB chung= 2,99 cho thấy, khả năng tiếp cận các loại hình DVCTXH của NLĐNC khu vực KTPNN ở mức trung bình khá. Họ là một trong nhóm người ít có tiếng nói quyết định trong cộng đồng, bị phân biệt đối xử, dễ bị bóc lột và dễ bị tổn thương do các quyền cơ bản và hợp pháp không được đảm bảo. Vì vậy, việc tiếp cận được các DVCTXH rất quan trọng đối với NLĐNC khu vực KTPNN trong việc giúp họ phá vỡ được rào cản và kết nối được các dịch vụ trợ giúp hòa nhập cộng đồng nơi đến được tốt hơn cũng như đảm bảo an sinh xã hội cho họ.

**Bảng 2. Thực trạng sử dụng DVCTXH
của người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước**

TT	Khả năng sử dụng DVCTXH đối với người lao động nhập cư	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Dịch vụ thông tin về nhà ở an toàn	4,40	0,61	1
2	Dịch vụ tư vấn/ tham vấn	2,73	0,88	3
3	Dịch vụ giới thiệu và hỗ trợ học nghề, việc làm, sinh kế	2,62	0,80	4
4	Dịch vụ hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho con	2,07	0,86	5
5	Dịch vụ kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực	3,14	0,89	2
	ĐTB chung	2,99	0,9	

Bên cạnh đó, khả năng sử dụng DVCTXH của NLĐNC phụ thuộc vào nhu cầu và vấn đề mà họ đang gặp phải. Một trong những dịch vụ được NLĐNC khu vực KTPNN quan tâm nhất là hỗ trợ tìm kiếm thông tin về nhà ở an toàn, với ĐTB=4,40. Nhà trọ là nơi ở của người dân nhập cư nói chung và NLĐNC khu vực KTPNN nói riêng, nhưng đó cũng là nơi mà nhiều thành

phần xã hội chọn làm nơi ở, nhất là các khu nhà trọ vùng ngoại ô, vùng ven, các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung tại TP.HCM. Do đó, các khu nhà ở luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất an ninh, trật tự. Vì vậy, họ cần một nơi ở an toàn, khang trang, thoáng mái để có thể an cư lâu dài và yên tâm làm việc tại nơi đến. Vì vậy, đối với NLĐNC họ rất cần DVCTXH thông tin về nhà ở an toàn như: thông tin về địa chỉ, giá cả nhà trọ, nhà trọ có hỗ trợ đăng kí tạm trú; nhà trọ có kí cam kết thu tiền điện, nước theo đúng giá quy định của nhà nước.

Qua kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, mô hình nhà trọ an toàn không chỉ tạo ra sự thay đổi rất lớn về nếp sống văn hóa cho NLĐNC mà còn giúp địa phương quản lí tốt công tác an ninh, trật tự và giảm được các tệ nạn xã hội phát sinh. Một chủ nhà trọ chia sẻ: *“Từ khi tham gia thực hiện mô hình nhà trọ an toàn đã thật sự tạo được nếp sống văn minh cho người lao động nhập cư. Từ chỗ có tâm lí thờ ơ, ở tạm, giờ người ở trọ đã ý thức được chuyện làm chủ chỗ ở của mình, họ có trách nhiệm trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trật tự hơn”*. (Nữ 41 tuổi, chủ nhà trọ NTNĐ, quận 12).

Với ĐTB=3,14 cho thấy, DVCTXH hỗ trợ NLĐNC kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực cũng được họ đánh giá là sử dụng ở mức độ trung bình. Thực tế cho thấy, NLĐNC khu vực KTPNN có nhu cầu sử dụng dịch vụ kết nối nguồn lực rất lớn để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, can thiệp, chuyển gửi, tiếp nhận, phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội được gắn kết.

Đối với NLĐNC khu vực KTPNN, họ đối mặt với cuộc sống chịu nhiều áp lực và khó khăn khiến không ít NLĐNC có vấn đề về tâm lí như stress, thường xuyên lo lắng, bất an về việc làm, thu nhập,... Ngoài ra, những NLĐNC là nạn nhân của bạo lực lại càng có nguy cơ gặp phải những vấn đề tâm lí trầm trọng như khủng hoảng, trầm cảm, muốn tự tử... rất cần sự tư vấn, tham vấn của nhân viên CTXH hỗ trợ để NLĐNC vượt qua giai đoạn khó khăn này. Kết quả ĐTB chung về đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ về tư vấn, tham vấn đối với NLĐNC khu vực KTPNN là 2,73 và độ lệch chuẩn 0,877 cho thấy, khả năng tiếp cận dịch vụ này của NLĐNC chỉ ở mức trung bình. Tùy thuộc vào nhu cầu và vấn đề mà NLĐNC lựa chọn sử dụng DVCTXH khác nhau.

Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu và một NLĐNC cho biết: *“Tôi làm công nhân cho một doanh nghiệp tư nhân, mỗi ngày thường làm việc 8 tiếng nhưng chúng tôi thường phải đến sớm hơn giờ quy định 15 phút để chuẩn bị, có những đợt hàng gấp chủ cơ sở yêu cầu chúng tôi phải tăng ca kể cả ngày chủ nhật nên ít được tiếp cận thông tin về pháp luật cũng như không có thời gian để tìm hiểu, khi nào con đi học mới cần tư vấn để làm thủ tục cho con nhập học...”*. (NLĐNC Nữ 31 tuổi, quận 12).

Bên cạnh đó, do đặc điểm việc làm của NLĐNC nên họ cần sử dụng dịch vụ tư vấn học nghề, tìm kiếm việc làm, tạo việc làm. NLĐNC có nhu cầu sử dụng vốn vay ưu đãi gấp 3,7 lần so với các dịch vụ khác. Điều này tương ứng với những khó khăn mà NLĐ nhập cư gặp phải ở nơi tạm trú là về tài chính (gần 50% NLĐ trong nghiên cứu). Theo NLĐNC cho biết, lí do sử dụng dịch vụ hỗ trợ vốn vay vì họ cần có nguồn vốn xoay sở trong việc buôn bán nhỏ, cần vốn làm ăn, cần tiền đóng học phí, trả nợ/lãi vay nóng... Tuy nhiên, mức độ sử dụng được dịch vụ này không cao ĐTB= 2,62. Do tính chất công việc không ổn định nên thu nhập thấp, tỉ lệ thất nghiệp cao và thường bị loại ra khỏi các chương trình giảm nghèo hay vay vốn tạo việc làm ở tại địa phương.

Việc tiếp cận với dịch vụ giáo dục công lập vẫn còn là con đường gian nan đối với một nhóm NLĐNC khu vực KTPNN; học vẫn được coi là con đường chiến lược quan trọng nhất để con họ có thể thuận lợi hơn trong thăng tiến xã hội. Tuy nhiên, điều kiện tiếp cận giáo dục thì không phải lúc nào cũng dành sẵn cho tất cả mọi người. Các yếu tố như sự phân tầng kinh tế, thu nhập, kể cả tình trạng cư trú đã tạo cho các cá nhân những khả năng khác nhau trong việc tiếp xúc với các nguồn lực giáo dục. Một trong các hoạt động hỗ trợ mà NLĐNC khu vực

KTPNN đánh giá khả năng sử dụng thấp nhất là hỗ trợ cho con của họ được vào học trường công lập, với ĐTB= 2,07 cho thấy, họ gặp khá nhiều khó khăn trong việc tiếp cận được giáo dục công lập tại địa bàn nghiên cứu.

Các dữ liệu nghiên cứu định tính cũng cho thấy, vì lí do không có hộ khẩu thường trú mà nhiều hộ gia đình NLĐNC khu vực KTPNN đã gặp không biết bao nhiêu khó khăn, mặc dù họ đã có nhiều đóng góp cho Thành phố. Ông N.V.B, người đã sống 7 năm ở phường Bình Đông B, quận Bình Tân cho biết: “*ở quê không có ruộng đất nên phải ra thành phố. Biết là cực khổ và thiệt thòi nhiều mặt nhưng dù sao cũng dễ kiếm việc làm, tôi lập gia đình và có hai đứa con không có hộ khẩu nên không xin cho hai đứa vào trường công lập được tại nơi đến được. Nhưng các khoản đóng góp tại địa phương thì vẫn phải đóng đủ*”. (NLĐNC nam 37 tuổi, quận Bình Tân).

Bảng 3. Nhận định về khả năng sử dụng DVCTXH của người lao động nhập cư phân theo giới tính

TT	Khả năng sử dụng DVCTXH của người lao động nhập cư	Giới tính	Trung bình	Lệch chuẩn
1	Dịch vụ thông tin về nhà ở an toàn	Nam	4.25	0.529
		Nữ	4.49	0.433
2	Dịch vụ tư vấn/ tham vấn	Nam	2.55	0.785
		Nữ	3.11	0.628
3	Dịch vụ giới thiệu và hỗ trợ học nghề, việc làm, sinh kế	Nam	2.73	0.313
		Nữ	2.56	0.654
4	Dịch vụ hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho con	Nam	2.15	0.677
		Nữ	2.03	0.685
5	Dịch vụ kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực	Nam	3.09	0.770
		Nữ	3.17	0.777

NLĐNC khu vực KTPNN cho biết, DVCTXH mang lại cho họ rất nhiều lợi ích, hỗ trợ kết nối đến với các nguồn lực trong cộng đồng tại nơi đến. Thực tế cho thấy, một bộ phận NLĐNC vẫn còn chưa được tiếp cận đến các DVCTXH hoặc họ được biết đến nhưng chưa thật sự hiểu rõ về DVCTXH. Một bộ phận cá nhân, nhóm và cộng đồng có nhu cầu sử dụng nhưng chưa hiểu rõ về các DVCTXH. Chính vì vậy, người cung cấp dịch vụ cần phải giới thiệu một cách rõ nét, thay vì các dịch vụ như hỗ trợ việc làm, giới thiệu việc làm hay bảo hiểm y tế, chúng ta nên đưa chúng tiếp cận với người sử dụng thông qua một cái tên mới đó là DVCTXH, người sử dụng họ sẽ dễ dàng hình dung ra được như thế nào là DVCTXH tốt hơn.

Thông qua kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa hai trung bình tổng thể (Independent - samples T -Test), chúng tôi tìm hiểu xem giữa NLĐNC nam và NLĐNC nữ có sự khác nhau về đánh giá khả năng sử dụng DVCTXH hay không? Kết quả thu được ở Bảng 3 cho thấy, có sự khác biệt nhưng không nhiều trong việc đánh giá về DVCTXH thông tin nhà ở với (ĐTB=4,25; ĐTB= 4,49), trong khi đó tiêu chí về dịch vụ tư vấn, tham vấn có sự khác biệt nhiều nhất giữa nam và nữ với (ĐTB=2,55; ĐTB= 3,11),... (xem Bảng 3).

Qua phân tích thực trạng sử dụng DVCTXH của NLĐNC cho thấy, họ có nhu cầu rất lớn trong việc sử dụng các DVCTXH. Tùy thuộc vào tầm nhìn, sứ mệnh của mỗi tổ chức mà việc cung cấp các loại hình DVCTXH cho NLĐNC sẽ khác nhau. Việc cung cấp DVCTXH tại địa phương đã có nhưng chủ yếu tập trung ở các trung tâm còn ở cộng đồng thì chưa phát triển, còn thiếu sự chuyên nghiệp. Vì về cơ bản, những DVCTXH ở nơi đây đã tiếp cận được đến đối

tượng sử dụng dịch vụ - mà cụ thể là NLĐNC ở khu vực KTPNN. Thêm vào đó, những dịch vụ này đã đáp ứng một phần nào đó những nhu cầu của người sử dụng, có đầy đủ các đặc tính của một dịch vụ chuyên nghiệp như tính dễ tiếp cận, phù hợp nhu cầu, liên tục,... và đã góp phần tạo điều kiện giúp NLĐNC vượt qua khó khăn trong cuộc sống, tự tin vươn lên hòa nhập cộng đồng tại nơi đến.

2.2.3. Đánh giá của người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước về chất lượng dịch vụ công tác xã hội

Dịch vụ CTXH trong thời gian qua đã hỗ trợ đắc lực cho người nghèo, người yếu thế, NLĐNC và nhiều đối tượng khác được hưởng các chương trình, dịch vụ và từng bước được mở rộng về phạm vi, đối tượng thụ hưởng. Tuy nhiên, mạng lưới DVCTXH Việt Nam chưa phát triển đồng bộ và tương xứng với thành tựu phát triển kinh tế, cụ thể: mức độ bao phủ thực tế còn thấp, khả năng sử dụng dịch vụ của nhiều nhóm đối tượng đối với một số chính sách, chương trình còn hạn chế; các chính sách bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu sự liên kết, chưa huy động nguồn lực và chưa bảo đảm tính bền vững. Đặc biệt, các DVCTXH ở cộng đồng đối với NLĐNC khu vực KTPNN còn thiếu các chương trình, dịch vụ để họ sử dụng. Điều này tác động rất lớn đến việc hòa nhập cộng đồng tại nơi đến của NLĐNC.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 4, với ĐTB chung = 3.11 cho thấy, NLĐNC khu vực KTPNN đánh giá chất lượng DVCTXH chỉ ở mức trung bình. Trong bối cảnh hiện nay, mạng lưới cung cấp các DVCTXH ở cộng đồng chưa phát triển, việc đáp ứng nhu cầu cho tất cả các đối tượng là điều không thể. Mặt khác, sự gia tăng dân số cơ học đột ngột đã gây áp lực lên mạng lưới cơ sở hạ tầng, các dịch vụ đô thị vốn dĩ đã bất cập của TPHCM và khu vực nóng nhất là các quận trong địa bàn khảo sát đang đô thị hóa rất cao. Hệ thống đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, hệ thống y tế, trường học,... không đáp ứng được các nhu cầu cho gia đình họ. Với tình trạng quá tải về DVXH như hiện nay thì NLĐNC có rất ít khả năng và cơ hội đến được hệ thống các DVCTXH và các chính sách công tại nơi đến.

Bảng 4. Đánh giá của người lao động nhập cư về chất lượng dịch vụ công tác xã hội

TT	Đánh giá về chất lượng DVCTXH của người lao động nhập cư	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Dịch vụ thông tin về nhà trọ an toàn	4.43	0.52	1
2	Dịch vụ tư vấn/ tham vấn	2.57	0.78	4
3	Dịch vụ giới thiệu và hỗ trợ học nghề, việc làm, sinh kế	3.20	0.83	2
4	Dịch vụ hỗ trợ tiếp cận giáo dục	2.51	0.56	5
5	Dịch vụ kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực	2.84	0.44	3
ĐTB		3.11	0.63	

Trong những năm gần đây Tp.Hồ Chí Minh đã có một số chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ NLĐNC với các mô hình can thiệp thiết thực gắn liền với nhu cầu của họ. Các mô hình hoạt động này bước đầu có ý nghĩa thiết thực, nâng cao cơ hội tiếp cận pháp luật, an sinh xã hội, DVCXTH, và cải thiện điều kiện sinh kế cho NLĐNC.

Một trong những dịch vụ được NLĐNC khu vực KTPNN quan tâm nhất và đánh giá tốt nhất đáp ứng được nhu cầu cho họ là dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin về nhà trọ an toàn, với ĐTB= 4.43. Nhà ở an toàn là một trong những vấn đề cấp bách đối với NLĐNC ở khu vực KTPNN. Việc được hỗ trợ cung cấp thông tin về nhà trọ an toàn đã giúp cho NLĐNC khu vực này có nhiều cơ hội lựa chọn hơn về nơi ở phù hợp với tình hình kinh tế cũng như nhu cầu gia đình mình. Đặc biệt những mô hình nhà trọ an toàn với mức giá phù hợp và được các chủ nhà trọ cam kết với chính quyền địa phương lấy đúng giá đã đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của

người thuê trọ và đem đến đến cho họ một không gian vui chơi giải trí, an cư lý tưởng được NLĐNC khu vực KTPNN đánh giá rất tốt.

Qua phỏng vấn sâu Anh N.V.H cho biết: *“Tôi lên đây cũng gần chục năm chuyển biết bao nhiêu nhà trọ rồi, khi độc thân ở sao cũng được miễn có chỗ ngủ, nhưng từ khi có gia đình và có con thì việc thuê trọ phải lựa chọn đảm bảo an toàn và phải có không gian cho sắp nhỏ vui chơi. Tôi thuê nhà trọ ở đây cũng được hơn 2 năm rồi, phòng trọ sạch sẽ, có gác lửng, mọi người thuê trọ đều có ý thức giữ vệ sinh chung, có nơi để sinh hoạt chung và được trang bị đầy đủ sách, báo, ti vi, vi tính,... Trong nhiều năm chủ nhà trọ tham gia cam kết với chính quyền địa phương nên giữ nguyên giá cho thuê, tiền điện, nước trả theo giá nhà nước nên cũng tiết kiệm được khoản chi phí nhất định”.* (NLĐNC Nam 26 tuổi, quận 12).

Đề án phát triển nghề CTXH ra đời đã tác động không nhỏ đến các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng DVCTXH, đặc biệt là các loại hình dịch vụ chuyên sâu về CTXH. Chính điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập mạng lưới và cung cấp các dịch vụ cho NLĐNC khu vực KTPNN được hình thành ở ngay chính cộng đồng đối tượng sinh sống. Tùy thuộc vào vấn đề và nhu cầu của NLĐNC mà nhân viên CTXH kết nối, chuyển gửi họ đến các nguồn lực cần thiết để được hỗ trợ giải quyết các vấn đề của mình. Với ĐTB= 2.84 cho thấy, mức độ đánh giá của NLĐNC về chất lượng dịch vụ kết nối, chuyển gửi chỉ ở mức trung bình. Thực tế cho thấy, hiện nay NLĐNC khu vực KTPNN có nhu cầu sử dụng DVCTXH ở cộng đồng rất lớn, vì họ không có hộ khẩu thường trú tại nơi đến nên một số chương trình, chính chưa đến được với họ. Mặt khác, các DVCTXH trợ giúp cho các đối tượng có nhu cầu chủ yếu được hình thành tại các Trung tâm, Cơ sở bảo trợ nhưng ở cộng đồng nơi NLĐNC cư trú còn thiếu và yếu. Việc kết nối, chuyển gửi đến các nguồn lực đã được hình thành tại các địa bàn khảo sát từ nhiều năm nay. Đặc biệt là vào những dịp Lễ, Tết, các chương trình kết nối cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường thông qua suất học bổng, tặng xe đạp, quà,... Tuy nhiên, việc kết nối không được thực hiện thường xuyên và chưa mang tính hệ thống còn dàn trải nên tính hiệu quả chưa cao. Trong bối cảnh hiện nay, là sự nỗ lực rất lực từ các cấp chính quyền, địa phương, ban/ngành, đoàn thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NLĐNC khu vực KTPNN có nhiều cơ hội trong việc sử dụng DVCTXH tại cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy DVCTXH đã phần nào đáp ứng nhu cầu của NLĐNC khu vực KTPNN, cán bộ Hội Phụ nữ cho biết: *“Trong năm qua chúng tôi đã kết nối được cho một số nữ công nhân nhập cư về hỗ trợ sinh kế để tăng thêm thu nhập. Khi TC được kết nối chuyển gửi đến các ban/ngành, đoàn thể hoặc dự án đều có cán bộ trực tiếp làm việc với NLĐNC để xác định được vấn đề và đánh giá nhu cầu, lên kế hoạch hỗ trợ. Tùy thuộc vào nguồn lực có được, chúng tôi hỗ trợ về vật chất hoặc cung cấp kiến thức để tăng năng lực cho NLĐNC để họ có cơ hội trực tiếp nói lên những vấn đề, những vướng mắc với cán bộ chính quyền địa phương vào những dịp đối thoại chính sách”.* (Cán bộ Hội phụ nữ 41 tuổi, phường Đ.H.T, quận 12).

Tương tự một số DVCTXH khác như giới thiệu và hỗ trợ học nghề, việc làm, sinh kế; tư vấn/tham vấn cũng được NLĐNC khu vực KTPNN đánh giá từ mức trung bình trở lên, với (ĐTB= 3.20 và ĐTB= 2.62). Nhìn chung, các DVCTXH đã được cung cấp bởi cán bộ LDXH hay cán bộ đoàn thể cho NLĐNC chủ yếu trong lĩnh vực ASXH và nhất là trợ giúp xã hội là phổ biến nhất tại các địa bàn khảo sát. Số lượng NLĐNC sử dụng DVCTXH còn ít, các loại hình DVCTXH chưa thật sự đa dạng và mạng lưới cung cấp chưa hoàn thiện, vẫn còn nhiều người vẫn chưa biết đến, chưa tiếp cận, hay có nhu cầu nhưng không sử dụng. Một số NLĐNC khu vực KTPNN đã được sử dụng DVCTXH cho biết, dịch vụ tư vấn và tham vấn đã giúp họ nâng cao nhận thức, hiểu hơn về cách thức giải quyết mâu thuẫn, BLGD cũng như họ không rơi vào hoàn cảnh tay trắng về kinh tế và mất quyền sở hữu tài sản. Chị T.T.M cho biết: *“Nhiều nạn nhân là NLĐNC hạn chế về trình độ học vấn và không được tiếp cận thông tin đầy đủ khiến nhiều chị em có những hiểu biết chưa đúng những vấn đề liên quan đến pháp lý như: tố cáo hành vi bạo lực của*

chồng, đấu tranh đòi quyền nuôi con, quyền được phân chia tài sản hay thủ tục ly hôn, ...”. (Cán bộ LĐTBXH, Nữ 41 tuổi, quận 12).

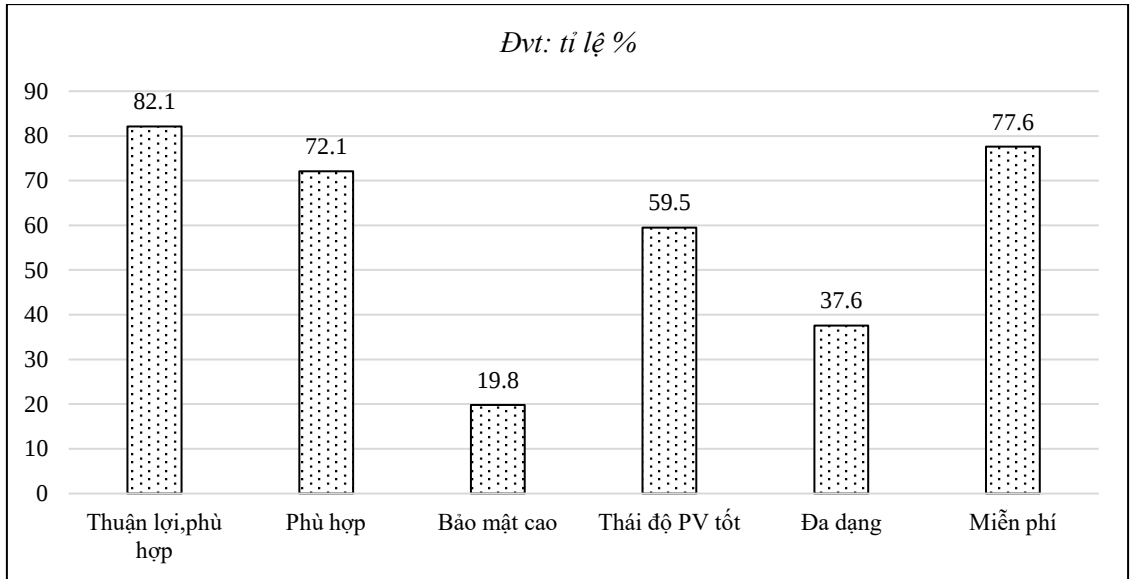
DVCTXH có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ cho các đối tượng có nhu cầu ổn định cuộc sống. Thực tế cho thấy, DVCTXH chủ yếu mới được hình thành và được cung cấp từ các trung tâm Bảo trợ xã hội. Trung tâm CTXH,... hỗ trợ cho từng đối tượng cụ thể và đã đạt được hiệu quả cao, còn các DVCTXH tại cộng đồng nơi NLĐNC cư trú thì lại chưa cung cấp được nhiều, đặc biệt là các DVCTXH mang tính chuyên sâu thì gần như chưa thực hiện được. Đây là một trong những rào cản ảnh hưởng đến việc sử dụng DVCTXH đối với NLĐNC trong việc thực hiện quyền của họ, cũng như đối với việc nâng cao nhận thức và sự quan tâm của xã hội đối với nhóm yếu thế này.

Đánh giá về dịch vụ tư vấn pháp lý đối với NLĐNC, cán bộ LĐTBXH cho biết: *“Hiện nay NLĐNC khu vực KTPNN chưa được coi là nhóm đối tượng được tư vấn pháp lý miễn phí; đồng thời do sự hạn chế về mức độ sẵn có và chuyên sâu của dịch vụ tư vấn pháp luật, việc tiếp cận các dịch vụ tư vấn pháp lý của NLĐNC còn nhiều khó khăn, nếu NLĐNC rơi vào hộ nghèo hoặc nạn nhân bạo lực gia đình, người nhiễm HIV, ... mới được trợ giúp pháp luật miễn phí. Đối với NLĐNC trong các khu công nghiệp được các tổ chức công đoàn tư vấn miễn phí. Tuy nhiên, số lượng NLĐNC khu vực KTPNN được tiếp cận rất ít, một phần do tâm lý e ngại của họ tìm đến sự trợ giúp”.* (Cán bộ LĐTBXH, Phường DHT, quận 12).

Bên cạnh các DVCTXH được NLĐNC đánh giá cao thì dịch vụ hỗ trợ giáo dục ở trường công lập cho con của NLĐNC được đánh giá ở mức độ trung bình. Trong bối cảnh hiện nay, một số quận ở TP.HCM đang diễn ra quá trình đô thị hóa nên thu hút NLĐNC về đây để học tập, làm việc và sinh sống, hạ tầng về cơ sở vật chất quá tải nên trẻ em của các gia đình NLĐNC khó tiếp cận được với hệ thống trường công lập. Nhiều bằng chứng cho thấy, trẻ em theo cha mẹ lên TP.HCM và các thành phố lớn gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận giáo dục công so với trẻ em bản địa. Với giọng bức xúc anh P.Đ.P, phường Hiệp Thành quận 12, cho biết: *“Ở quê không có ruộng đất nên phải lên thành phố. Biết là cực khổ và thiệt thòi nhiều mặt nhưng dù sao cũng dễ kiếm việc làm, tôi có hai đứa con không có hộ khẩu nên không xin cho hai đứa vào trường công lập được. Nhưng các khoản thu công ích tại địa phương thì vẫn phải đóng đủ...”.* (NLĐNC nam 37 tuổi, quận 12).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, một số NLĐNC khu vực KTPNN đánh giá khá tốt về các dịch vụ. Bởi vì, các dịch vụ này có được các đặc điểm như sau: dịch vụ thuận lợi, dễ tiếp cận với người sử dụng chiếm tỉ lệ cao nhất 82.1%; dịch vụ được miễn phí chiếm tỉ lệ 77.6%; dịch vụ phù hợp với nhu cầu người sử dụng chiếm tỉ lệ 72.1%. Bên cạnh đó, tiêu chí về đa dạng, phong phú không được NLĐNC đánh giá cao về chất lượng của các dịch vụ chiếm tỉ lệ 37.6%,... Ngược lại, chỉ có 19.8% ý kiến cho biết là có tính bảo mật cao. Thực tế cho thấy, ở cộng đồng mạng lưới cung cấp DVCTXH chưa phổ biến nên nhiều NLĐNC khu vực KTPNN chưa biết đến các dịch vụ hỗ trợ cho họ (xem Biểu đồ 1).

Qua phân tích số liệu cho thấy, các hoạt động cung cấp các dịch vụ hỗ trợ rất thiết thực đối với NLĐNC khu vực KTPNN, có đầy đủ các đặc tính của một dịch vụ chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp như tính dễ tiếp cận, phù hợp nhu cầu, liên tục, tính bảo mật thông tin... đã góp phần tạo điều kiện giúp NLĐNC vượt qua khó khăn trong cuộc sống, tự tin vươn lên hòa nhập cộng đồng tại nơi đến. Tuy nhiên, việc cung cấp các DV hỗ trợ NLĐNC khu vực KTPNN còn dàn trải và các dịch vụ chưa đa dạng, phong phú. Chính vì vậy ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng sử dụng cũng như chất lượng DVCTXH đối với NLĐNC. Do đó, dù còn một số hạn chế nhưng trong bối cảnh hiện nay nhìn chung NLĐNC hài lòng với các DVCTXH đã sử dụng tại địa phương. Nhìn chung, thì việc cung cấp DVCTXH tại địa phương chưa thật sự hoàn thiện, vẫn còn nhiều người vẫn chưa biết đến, chưa sử dụng được, hay có nhu cầu nhưng không sử dụng,... Do đó, cần có những biện pháp để thay đổi về cách cung cấp những DVCTXH tại nơi đây.



Biểu đồ 1. Đánh giá về chất lượng dịch vụ công tác xã hội của người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước

2.3. Các giải pháp hỗ trợ người lao động nhập cư khu vực kinh tế phi nhà nước sử dụng dịch vụ công tác xã hội

Đối với người lao động nhập cư, việc đảm bảo tiếp cận các DVCTXH để hỗ trợ họ có cuộc sống ổn định, có điều kiện hòa nhập với nơi đến, yên tâm làm việc và phát triển, có ý nghĩa rất quan trọng trong chính sách an sinh xã hội nhằm hướng đến mục tiêu công bằng xã hội. Cần nhanh chóng loại bỏ những rào cản liên quan đến các thủ tục hành chính để các nhóm đối tượng yếu thế như người lao động di cư có thể dễ dàng tiếp cận được các dịch vụ công tác xã hội.

Hỗ trợ người lao động nhập cư khu vực phi nhà nước tiếp cận các dịch vụ công tác xã hội vẫn còn nhiều hạn chế như: các nhân viên chưa nắm rõ tình hình tham gia các dịch vụ công tác xã hội của nhóm lao động nhập cư, sự hỗ trợ tham gia dịch vụ thiếu chuyên nghiệp,... Ngoài ra thì chất lượng dịch vụ còn kém, chưa được tuyên truyền rộng rãi cho người dân, nhất là nhóm đối tượng là người dân tộc, chưa tạo được lòng tin của người dân đối với dịch vụ. Để có thể nâng cao tỉ lệ tham gia và khả năng tiếp cận dịch vụ, an sinh xã hội của nhóm lao động nhập cư khu vực phi chính thức cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, an sinh xã hội. Người dân sẽ tin tưởng hơn vào hệ thống an sinh xã hội cũng như vào sự công bằng của các chính sách và cần có những chính sách đặc thù đối với NLĐNC khu vực KTPNN.
- Nhà nước giữ vai trò điều phối, giám sát và hoạch định chính sách, thay cho việc làm thay hoặc trực tiếp thực hiện các hoạt động của dịch vụ, an sinh xã hội.
- Đổi mới quản lý Nhà nước về các dịch vụ, an sinh xã hội trên cơ sở thống nhất và thu gọn đầu mối quản lý các chương trình, tăng cường hiệu quả cung cấp dịch vụ, đồng thời hiện đại hóa, tin học hóa công tác quản lý an sinh xã hội, đào tạo các nhân viên công tác xã hội và có chế độ chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ này.
- Cần có một quy định pháp lý cao hơn về vận động chính sách quy định pháp lý về vận động chính sách sẽ được quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức của việc vận động chính sách, trách nhiệm của cơ quan có liên quan khi người lao động nhập cư có khó khăn thì sẽ được giải đáp kịp thời cho họ.

- Triển khai công tác lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình dự án khác trên địa phương là điều kiện và công cụ để địa phương thực hiện tốt hơn vai trò trách nhiệm của mình đối với người dân lao động nhập cư.

- Xây dựng mạng lưới hỗ trợ người lao động nhập cư thì trước hết các DVCTXH cần phải được hoàn thiện và tạo được hiệu quả cung cấp DVCTXH cho đối tượng lao động nhập cư có vấn đề xã hội. Đồng thời, mạng lưới nhân viên CTXH phải được hình thành đồng thời với mạng lưới các tổ chức cung cấp DVCTXH để đảm bảo quyền lợi của NLĐNC phù hợp với các mục tiêu an sinh xã hội của quốc gia, góp phần vào sự phát triển bền vững, đồng thời giúp NLĐNC có thể tiếp cận đầy đủ và công bằng các DVCTXH.

3. Kết luận

Hiện nay, việc nhập cư vào các đô thị là xu thế khách quan trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đa số nhập cư là người lao động để tìm kiếm những cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố lớn có số lượng NLĐNC nhất nước, tỉ lệ này được dự báo sẽ còn gia tăng trong tương lai. Với những khó khăn đang đối mặt, đặc biệt là việc tiếp cận an sinh xã hội và các dịch vụ xã hội tại nơi tạm trú khiến cho NLĐNC trở thành một trong những nhóm người yếu thế. Dịch vụ CTXH là một trong những cách thức góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội tới nhóm NLĐ nhập cư - vốn đang gặp nhiều khó khăn.

Dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ đối với người lao động nhập cư gồm nhiều hoạt động nhằm đáp ứng các nhu cầu cho người lao động nhập cư tại nơi đến như: hoạt động hỗ trợ nhà ở - việc làm và dạy nghề, hoạt động hỗ trợ và tư vấn pháp lý, hoạt động hỗ trợ ý tế - sức khỏe, các hoạt động văn hóa hỗ trợ hòa nhập cộng đồng nơi đến, hoạt động hỗ trợ tư vấn và tiếp cận thông tin,... Các dịch vụ này được cung cấp cho bản thân NLĐNC hoặc cho thành viên của gia đình NLĐNC. Các dịch vụ này có đủ các đặc tính của một dịch vụ chuyên nghiệp như dễ tiếp cận, phù hợp với nhu cầu, bảo mật, tính liên tục, tính kịp thời, tính đa dạng và miễn phí.

Hiện nay, với hệ thống chính sách, các DVCTXH đang dần được cải thiện. Và trong thời gian tới, các dịch vụ công tác xã hội cần được hoàn thiện hơn nữa, lan rộng hơn nữa để tiếp cận được đến nhiều đối tượng hơn, hỗ trợ tốt hơn cho các đối tượng của mình nhằm thực hiện công bằng xã hội, hướng tới xã hội phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhật Anh, 2015. *Hỗ trợ lao động di cư tiếp cận an sinh xã hội*, ngày 16/12/2015. Nguồn: <https://nhandan.vn/bhxxh-va-cuoc-song/ho-tro-lao-dong-di-cu-tiep-can-an-sinh-xa-hoi-250565/>
- [2] Trần Hậu, Đoàn Minh Huân, 2012. *Phát triển dịch vụ xã hội ở nước ta tới 2020 - một số lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- [3] Nguyễn Thị Huệ, 2015. *Trợ giúp người nghèo nhập cư thành phố Hà Nội tiếp cận thông tin dịch vụ xã hội qua phương pháp công tác xã hội nhóm- Điển cứu tại phường Phúc Xá- quận Ba Đình- thành phố Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ ngành CTXH, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.
- [4] Nguyễn Văn Hài, 2017. *Kết quả 6 năm thực hiện Đề án phát triển nghề công tác xã hội và nhiệm vụ giai đoạn tới*. Truy cập tại <http://laodongxahoi.net>, ngày 5/4/2021.
- [5] Nguyễn Hải Hữu, 2011. *Phát triển mạng lưới dịch vụ xã hội và nhân viên công tác xã hội*. www.molisa.gov.vn. Truy cập ngày 14/6/2017.

- [6] Nguyễn Hải Hữu, 2019. Phát triển dịch vụ công tác xã hội. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Nghề công tác xã hội ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực hành*. Tổ chức tại trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp, Hồ Chí Minh, tháng 03/2019, tr.52-58.
- [7] International Federation of Social Workers-IFSW, International Association of Schools of Social Work- IASSW, 2014.
- [8] Trần Văn Kham, 2016. Chuyên nghiệp hóa dịch vụ công tác xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và nhu cầu. Kỷ yếu Hội thảo *Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hóa dịch vụ công tác xã hội*. Tổ chức tại trường Đại học Lao động – Xã hội (CSII), tháng 01/2016, tr.187.
- [9] Nguyễn Thị Thái Lan và cộng sự, 2016. Chuyên nghiệp hóa dịch vụ công tác xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và nhu cầu. Kỷ yếu Hội thảo *Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hóa dịch vụ công tác xã hội*. Tổ chức tại trường Đại học Lao động – Xã hội (CSII), tháng 01/2016, tr.187.
- [10] Phạm Văn Quyết, Trần Văn Kham, 2016. Nghiên cứu về mạng lưới xã hội và hòa nhập xã hội của lao động nhập cư nghèo tại các đô thị Việt Nam, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 4/2016, tr.63-68.
- [11] Hà Thị Thu, 2016. Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ công tác xã hội đối với các nhóm đối tượng yếu thế. Kỷ yếu Hội thảo *Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hóa dịch vụ công tác xã hội*. Tổ chức tại trường Đại học Lao động – Xã hội (CSII), tháng 01/2016, tr.195.
- [12] Nguyễn Quang Tuấn, 2016. *Công tác xã hội đối với người di cư ở Việt Nam hiện nay*. Luận văn thạc sĩ Công tác xã hội, Học viện Khoa học Xã hội, tr.14.
- [13] Trương Nguyễn Bảo Trân, 2016. *Dịch vụ công tác xã hội đối với người lao động nhập cư từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sĩ công tác xã hội, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.17, 43, 63.
- [14] Mary nomme russell & Bonnie white, 2002. Social worker and immigrant client experiences in multicultural service provision: educational implications. *Social work Education*, vol. 21, no. 6, 2002.
- [15] Younshik Chung và Cộng sự, 2014. *Social exclusion and transportation services: A case study of unskilled migrant workers in South Korea*, Habitat International, www.Elsevier.com/locate/socscimed, truy cập ngày 16/6/2017.

ABSTRACT

Social work services migrant workers in non-state economic sector in Ho Chi Minh City

Pham Thanh Hai

Faculty of Social Work, University of Labour and social affairs (Campus II)

Migrant workers in the non-state economic sector have become an important factor in the country's socio-economic development and a key labor force in large urban areas. However, they often face many difficulties and challenges, and many risks. And they have a great need to use social work services to ensure the quality of life here but they encounter many troubles in receiving the services. In this article, we focus on understanding the possibility of using social work services, thereby proposing some solutions to improve the efficiency of life for migrant workers in non-state economic sectors.

Keywords: social work services, migrant workers, non-state economic sectors.